

Số: 2065/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình công ty mẹ - công ty con)

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TỔNG C. TY CNTP Đ. NAI
ĐẾN: 349
06/7/2016
Chuyến:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Tờ trình số 204/TTr-ICTCNTP ngày 24/5/2016 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1062/TTr-SNV ngày 14/6/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình công ty mẹ - công ty con).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng

Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Trưởng ban Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh -Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm
Đồng Nai (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình công
ty mẹ - công ty con)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND
ngày 04 / 7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014.

2. “Tổng công ty” là Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu theo Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 và Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. “Đơn vị trực thuộc” là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty và nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp.

4. “Công ty con” là doanh nghiệp hạch toán độc lập do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. “Công ty liên kết” là doanh nghiệp do Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối, được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. “Công ty tự nguyện liên kết” là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty, nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết trên cơ sở quan hệ gắn bó về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp đó.

7. “Công ty thành viên (hoặc đơn vị thành viên)” bao gồm các đơn vị trực thuộc Tổng công ty; công ty con, các doanh nghiệp do công ty con trực tiếp nắm

giữ 100% vốn điều lệ, hoặc quyền chi phối đối với công ty đó; công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết của Tổng công ty (nếu có).

8. Danh sách các công ty thành viên trong tổ hợp Tổng công ty tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại phụ lục kèm theo Điều lệ này.

9. “Tổ hợp” là Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con Tổng công ty, bao gồm Tổng công ty (công ty mẹ) và các đơn vị thành viên.

10. “Quyền chi phối” là quyền của Tổng công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Quyền của Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp.

- Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp.

- Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp.

- Các quyền chi phối khác theo thỏa thuận với doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

11. “Cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

12. “Cổ phần không chi phối, vốn góp không chi phối của Tổng công ty” tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.

13. “Hội đồng thành viên” có nghĩa là Hội đồng thành viên của Tổng công ty. “Tổng Giám đốc” có nghĩa là Tổng Giám đốc của Tổng công ty.

14. “Nghị định 91/2015/NĐ-CP” là Nghị định số 91/215/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

15. “Người đại diện” là người đại diện theo ủy quyền đối với cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên kết, là người được Hội đồng thành viên Tổng công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên kết.

16. “Người quản lý Tổng công ty” bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.

17. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và các văn bản pháp luật khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

18. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

19. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên và trụ sở chính của Tổng công ty

1. Tên viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI - MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN.

2. Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI.

3. Tên viết bằng tiếng Anh: DONGNAI FOOD INDUSTRIAL CORPORATION.

4. Tên viết tắt: DOFICO.

5. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

6. Trụ sở chính: Số 833A, xa lộ Hà Nội, khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

7. Điện thoại: 061.3836110, fax: 061.3836132.

8. Email: admin@dofico.com.vn, website: www.dofico.com.vn

9. Biểu tượng riêng (logo):



Biểu tượng (logo) trên của Tổng công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 191743 theo Quyết định số 52214/QĐ-SHTT ngày 18/9/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng Tổng công ty

1. Tổng công ty là doanh nghiệp Nhà nước do UBND tỉnh Đồng Nai làm Chủ sở hữu được tổ chức theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Tổng công ty có:

a) Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

b) Có con dấu riêng khắc tên của Tổng công ty bằng tiếng Việt là: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI.

c) Tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ mở tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài.

d) Có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Tổng công ty đầu tư.

đ) Có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Chức năng của Tổng công ty

a) Tổng công ty được Nhà nước (thông qua Chủ sở hữu là UBND tỉnh Đồng Nai) giao quản lý và sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào Tổng công ty. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn điều lệ thực tế do Tổng công ty quản lý.

b) Quản lý toàn bộ quỹ đất đã được Nhà nước và UBND tỉnh Đồng Nai giao, có trách nhiệm khai thác, kinh doanh trên đất của Tổng công ty quản lý.

c) Trực tiếp sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc nhận và quản lý nguồn vốn, tài sản, quản lý nhân sự theo phân cấp của Chủ sở hữu,... Quản lý và chi phối các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Tổng công ty.

d) Trực tiếp đầu tư các dự án theo Luật Đầu tư và quy định của pháp luật hiện hành và Chủ sở hữu.

đ) Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết theo sự chấp thuận của Chủ sở hữu; chi phối các công ty con, các công ty liên kết theo mức độ chiếm giữ vốn điều lệ tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại các công ty con và công ty liên kết.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh Tổng công ty

1. Mục tiêu hoạt động

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác; làm tốt nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước; cải thiện nâng cao đời sống cán bộ - công nhân viên; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao.

b) Phát triển Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao.

c) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc Chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà cửa. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản	6810 (Chính)
2	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào: Bán buôn thuốc lá điếu các loại	4634
	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán	

3	buôn vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế cho sản xuất thuốc lá	4659
4	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
5	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
6	Trồng cây lâu năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0129
7	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở)	0322
8	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
9	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thực phẩm khác. Sản xuất chế biến thực phẩm đóng gói, đóng hộp	1079
10	Bán buôn thực phẩm: Bán buôn sữa tươi, bánh kẹo, các sản phẩm được chế biến từ sữa và các loại thực phẩm khác; thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến, thực phẩm công nghệ; thủy sản; trứng gia cầm	4632
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn hàng hoá tiêu dùng cá nhân và gia đình (trừ thuốc và vật tư y tế)	4649
12	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại: Sản xuất phân hữu cơ	3821
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thuốc lá, nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu; nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá; bán buôn con giống bò sữa, bò thịt và các loại gia súc, gia cầm khác. Bán buôn cây giống, cây xanh công trình, cây kiểng, hoa, cỏ các loại. Bán buôn nông sản (đối với hạt điều và bông vải phải thực hiện theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ). Bán buôn gia súc, gia cầm	4620
14	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt: Giết mổ gia cầm, gia súc. Chế biến thịt gia súc, gia cầm đóng gói và đóng hộp	1010
15	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
16	Sản xuất sản phẩm thuốc lá: Sản xuất thuốc lá điếu các loại	1200
17	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì: Sản xuất các loại bao bì cho sản xuất thuốc lá	1702
18	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá	3290
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê tài sản (trừ bất động sản)	7730

20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu. Bán buôn phân bón; phân bón vi sinh, phân hữu cơ; các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá	4669
21	Chăn nuôi trâu, bò: Chăn nuôi trâu, bò. Chăn nuôi, sản xuất con giống bò sữa, bò thịt (không hoạt động tại trụ sở)	0141
22	Chăn nuôi gia cầm: Chăn nuôi gà, vịt. Chăn nuôi, sản xuất con giống gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
23	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
24	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào: Đầu tư trồng trọt thuốc lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu	0115
25	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
26	Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
27	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
28	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh: Trồng cây xanh, cây kiểng, hoa, cỏ các loại	0118
29	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
30	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất phân bón vi sinh	2012
31	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32	Hoạt động quỹ tín khác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác	6430
33	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
34	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
35	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
36	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
37	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
38	In ấn (in xuất bản phẩm phải có giấy phép)	1811
39	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Sản xuất sữa tươi, các sản phẩm được chế biến từ sữa	1050
40	Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh và các loại thực phẩm khác	1071
41	Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo: Sản xuất kẹo và các loại thực phẩm khác	1073

42	Trồng rừng và chăm sóc rừng: Ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43	Bán buôn gạo: Bán buôn lương thực	4631
44	Bán buôn đồ uống	4633
45	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt	4661
46	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt	4730
47	Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá	4610
48	Trồng lúa	0111
49	Trồng cây điều	0123
50	Trồng cây cà phê	0126
51	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
52	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
53	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
54	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5610
55	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
56	Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
57	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
58	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
60	Quảng cáo	7310

Tổng công ty có thể thay đổi, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo trình tự, điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty (công ty mẹ) là: 3.500.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba ngàn năm trăm tỷ đồng).

Mức vốn điều lệ của Tổng công ty được áp dụng tối thiểu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành Điều lệ này. Hàng năm vốn điều lệ thực tế của Tổng công ty được xác định tương ứng với các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp và Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ của Tổng công ty.

Số dư vốn điều lệ thực tế theo tiến độ Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Tổng công ty như sau :

- Năm 2016: 3.100.000.000.000 đồng.
- Năm 2017: 3.300.000.000.000 đồng.

- Năm 2018: 3.380.000.000.000 đồng.

- Năm 2019: 3.500.000.000.000 đồng.

2. Việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu Tổng công ty

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là UBND tỉnh) trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho Hội đồng thành viên thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

3. Hội đồng thành viên của Tổng công ty là đại diện Chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng công ty, được Chủ sở hữu giao thực hiện một số quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và là chủ sở hữu đối với phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty gồm các chức danh sau:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên.

2. Tổng Giám đốc.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Tổng công ty chịu sự quản lý, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Tổng công ty

1. Quyền của Tổng công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính:

a) Tổng công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu giao, cho thuê để sản xuất kinh doanh và thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

b) Có quyền phân, giao lại cho các đơn vị phụ thuộc quản lý, sử dụng các nguồn lực mà Tổng công ty đã nhận từ Chủ sở hữu. Được quyền điều chỉnh những nguồn lực đã phân, giao cho các đơn vị phụ thuộc trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Tổng công ty.

c) Được quyền sử dụng vốn thuộc quyền quản lý đầu tư ra ngoài Tổng công ty dưới các hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu, liên doanh, góp vốn, nhận chuyển nhượng vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định việc đầu tư góp vốn; điều chỉnh tỷ lệ vốn đầu tư, vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

đ) Quyết định tỷ lệ cổ phần do Tổng công ty nắm giữ khi cổ phần hóa các công ty con hoặc công ty hạch toán phụ thuộc sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

e) Thực hiện quyền của Chủ sở hữu đối với phần vốn góp, cổ phần của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác.

g) Được quyền cho thuê, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

h) Được huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu; vay vốn của các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Tổng công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật. Việc huy động vốn để kinh doanh phải thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, đảm bảo khả năng thanh toán nợ quy định tại Điểm 2, 3, 4, 5 Điều 23 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014.

i) Được huy động vốn của tổ chức cá nhân, nước ngoài theo quy định hiện hành về quản lý nợ nước ngoài sau khi có ý kiến phê duyệt của Chủ sở hữu.

k) Được chủ động sử dụng vốn cho các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

l) Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

m) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải đảm bảo bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật.

n) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh; phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước mà doanh thu không đủ bù đắp cho các khoản chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này.

o) Được thu các khoản thu từ hoạt động kinh doanh và các thu nhập khác theo Quy chế Quản lý tài chính của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

p) Được chi các khoản chi phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty gồm: Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các chi phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế Quản lý tài chính của Tổng công ty.

q) Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng; thưởng tiết kiệm chi phí và vật tư. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý, công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và vật tư mang lại trong một năm.

r) Được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

s) Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

t) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty.

u) Được quyền sử dụng phần vốn của Tổng công ty thu về do chuyển đổi sở hữu, cổ phần hóa, bán cổ phần, chuyển nhượng phần vốn góp ở các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

v) Được tổ chức thực hiện các dịch vụ thanh toán tiền mua, bán các sản phẩm và dịch vụ; thanh toán hộ; bù trừ công nợ trong nội bộ Công ty hoặc với các đơn vị khác khi thực hiện giao dịch kinh doanh.

x) Thực hiện phân phối thu nhập tại Điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

y) Được nhận ủy thác đầu tư, bảo lãnh, thế chấp và tín chấp cho các công ty con vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Các quyền khác về vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

a) Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh theo định hướng phát triển của Chủ sở hữu và yêu cầu kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tổng công ty, theo quy định của pháp luật và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

b) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

c) Tự quyết định giá trị thương hiệu, giá mua và bán sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở hợp đồng kinh tế, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản

phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

d) Được bảo hộ đối với tất cả các đối tượng sử dụng thương hiệu, tên gọi, biểu tượng của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định việc mở rộng quy mô kinh doanh, quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Tổng công ty với các công ty thành viên.

e) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và Điều lệ này; sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác ở trong nước và nước ngoài; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác; đầu tư tài chính trong nước và ngoài nước theo đúng các quy định của pháp luật.

g) Đầu tư và quản lý vận hành các dự án theo quy định của pháp luật.

h) Xây dựng, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, các định mức lao động, năng suất lao động, đơn giá tiền lương, chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với các định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định của pháp luật, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

i) Tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

k) Đổi mới công nghệ, trang thiết bị theo yêu cầu sản xuất và khả năng vốn đầu tư.

l) Mở chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

m) Quyết định cử, thay đổi, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quy định chế độ phụ cấp và các lợi ích khác có liên quan đối với người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

n) Yêu cầu các công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh của Tổ hợp.

o) Xây dựng, ban hành, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật.

p) Tổng công ty chi phối các doanh nghiệp thành viên thông qua vốn, nghiệp vụ, dịch vụ, công nghệ, thị trường, thương hiệu, công tác nhân sự, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Điều lệ này và Điều lệ của doanh nghiệp thành viên và thỏa thuận giữa Tổng công ty với doanh nghiệp thành viên.

q) Tổng công ty, công ty con được thực hiện các hình thức mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 trong mua bán hàng hóa, dịch vụ mà hàng hóa, dịch vụ đó là đầu ra của doanh nghiệp này nhưng là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tổ hợp.

r) Các công ty con có quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án của Tổng công ty và các công ty con khác trong Tổ hợp theo quy định của pháp luật

s) Khước từ việc thanh tra, kiểm tra không theo đúng quy định của pháp luật.

t) Tham gia tổ tụng theo quy định của pháp luật.

u) Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự:

a) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định thang, bảng lương, chế độ trả lương đối với người lao động theo quy chế của Tổng công ty và phù hợp với Bộ Luật Lao động năm 2012, văn bản pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện các quyền khác theo qui định của pháp luật có liên quan.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của Tổng công ty

1. Nghĩa vụ đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính

Tổng công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể:

a) Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và vốn Tổng công ty tự huy động.

b) Tổng công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn của Chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty.

c) Đánh giá lại tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

d) Tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu được giao về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

đ) Thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp khác mà Tổng công ty đã đầu tư vốn; Thu hồi vốn Tổng công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác khi Tổng công ty quyết định giảm bớt vốn đầu tư của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác hoặc khi doanh nghiệp khác bị giải thể, phá sản.

e) Đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với Chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

g) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai, mặt nước và các nguồn lực khác do Nhà nước giao hoặc cho thuê.

h) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động công ích và nhiệm vụ đặc biệt khác do Nhà nước yêu cầu.

i) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Tổng công ty.

k) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Chủ sở hữu.

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty và quy định khác của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh

a) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp; kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

b) Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng công ty và định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của các Công ty con.

c) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

d) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

đ) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

e) Tuân thủ theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

g) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Tổng công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

i) Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích

Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty

1. UBND tỉnh Đồng Nai là cơ quan đại diện Chủ sở hữu của Tổng công ty, có các quyền sau đây:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức, sắp xếp lại, đổi mới, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản phù hợp với Đề án tái cơ cấu Tổng công ty đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty.

b) Quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế Quản lý tài chính và các quy chế quản lý khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động của Tổng công ty; thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Tổng công ty sau khi Tổng công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên; quyết định quỹ tiền lương, thù lao hàng năm của viên chức quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên.

đ) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

e) Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

h) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

i) Phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của Tổng công ty sau khi đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

k) Quyết định lương của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm; quỹ lương hàng năm của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

l) Chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

m) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty.

n) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

o) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty được giao thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Kiểm soát viên do Chủ sở hữu Tổng công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Chủ sở hữu Tổng công ty kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Tổng công ty của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc.

Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng công ty do Chủ sở hữu ban hành.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Tổng công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty.

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ đã đầu tư vào Tổng công ty. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải quản lý và điều hành Tổng công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b) Chủ sở hữu phải giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty. Trường hợp phát hiện Tổng công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo Tổng công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

c) Khi Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu chỉ đạo Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay của Tổng công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

b) Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Tổng công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ đảm bảo quyền kinh doanh theo pháp luật của Tổng công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo

đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Tổng công ty; bảo đảm để Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Tổng công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Tổng công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, và điều hành của Tổng công ty gồm có: Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY

Điều 15. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là đại diện Chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng công ty; nhân danh Chủ sở hữu Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Tổng công ty, nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty (trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc). Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng thành viên gồm Chủ tịch và các thành viên khác do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Số lượng thành viên từ 03 đến 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng chỉ được bổ nhiệm không quá 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu đầu tư cho Tổng công ty.

2. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của Tổng công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt.

3. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty và gửi quyết định đến Chủ sở hữu Tổng công ty để

tổng hợp, giám sát.

4. Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và ngành, nghề kinh doanh của công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các doanh nghiệp trong Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai thông qua việc sử dụng quyền chi phối của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật tại các doanh nghiệp này.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Quản lý tài chính Tổng công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Tổng công ty.

6. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt chủ trương.

7. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương.

8. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc sau khi có sự đồng ý chấp thuận của UBND tỉnh.

Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, ký hợp đồng lại, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu.

9. Chấp thuận đề Tổng Giám đốc bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, ban và tương đương của Tổng công ty.

10. Quyết định cử, giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng thành viên thông qua chủ trương để chỉ đạo người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con là công ty cổ phần và các công ty liên kết thực hiện đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát; đề cử để bổ nhiệm, ký hợp đồng, kiến nghị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

11. Quyết định lương đối với các chức danh do Hội đồng thành viên bổ nhiệm.

12. Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của Tổng công ty và báo cáo cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

13. Quyết định các dự án đầu tư, phương án huy động vốn, hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê, mua, bán tài sản và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% vốn Chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn, thời điểm quyết định dự án (đối với dự án đầu tư không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công).

14. Quyết định hoặc ủy quyền, phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định các phương án huy động vốn, hợp đồng vay, cho vay; dự án đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế Quản lý tài chính, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

15. Đề nghị Chủ sở hữu phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng công ty và các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê, mua bán tài sản và hợp đồng kinh tế khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn Chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Tổng công ty.

16. Quyết định việc sử dụng thương hiệu, nhãn hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp trong Tổng công ty.

17. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, phương án tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quy hoạch, đào tạo lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

18. Quy định hệ thống quản trị, báo cáo quản lý trong Tổ hợp; quy định các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các quy chế sau: Quy chế Hoạt động của Hội đồng thành viên, Quy chế Làm việc của Ban Tổng Giám đốc, Quy chế Quản lý người đại diện phân vốn, Quy định về thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Tổng công ty và Kiểm soát viên, Quy chế Công bố thông tin) theo quy định của pháp luật.

19. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu Tổng công ty chấp thuận.

20. Quyết định các giải pháp tiếp nhận, sử dụng và nhượng quyền sản xuất các nhãn hiệu thuốc lá theo quy định của pháp luật; chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Tổng công ty.

21. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.

22. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu Tổng công ty được Chủ sở hữu phê duyệt.

23. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên đối với công ty con 100% vốn Tổng công ty:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty.

d) Ban hành Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Hoạt động của Kiểm soát viên, Quy chế Giám sát tài chính và các quy chế quản lý khác phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

Thông qua chủ trương đề Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

g) Phê duyệt chủ trương các phương án huy động vốn, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn Chủ sở hữu của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty.

h) Phê duyệt dự án góp vốn liên doanh của công ty con với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo thẩm quyền.

i) Phê duyệt chủ trương dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

k) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật.

24. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với các công ty do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ; Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

25. Kiến nghị Chủ sở hữu quyết định hoặc phê chuẩn quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

26. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo đề nghị của Tổng Giám đốc và giao Tổng Giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật:

a) Ký kết các hợp đồng trong và ngoài nước; các thỏa thuận hợp tác, các hợp đồng kinh tế khác theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

b) Bảo lãnh cho mỗi khoản vay của công ty con theo các quy định hiện hành.

c) Góp vốn để thành lập mới công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

d) Bổ nhiệm các chức danh quản lý và điều hành theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

27. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Tổng công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu Tổng công ty về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

28. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

29. Tổ chức kiểm tra, giám sát Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ, Người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng thành viên giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty phù hợp với Điều lệ của công ty đó và pháp luật có liên quan.

30. Hội đồng thành viên có thể phân cấp theo từng lĩnh vực hoạt động cho Tổng giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty; Người đại diện của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên kết. Khi chế độ, chính sách của Nhà nước có sự thay đổi hoặc khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên Tổng công ty có thể thay đổi các nội dung phân cấp cho phù hợp.

31. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
2. Tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Tổng công ty.
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên của Tổng công ty.

5. Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

7. Không là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại Tổng công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác trong những trường hợp quy định tại Điểm a, c, đ Khoản 1, Điều 18 Điều lệ này.

8. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty (nếu có).

9. Trường hợp đặc biệt do Chủ sở hữu quyết định.

Điều 18. Miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

a) Tổng công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện Chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được cơ quan đại diện Chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mà gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, cơ quan đại diện Chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

4. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước người ra quyết định bổ nhiệm và pháp luật về việc thực hiện các nghĩa vụ quy

định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp và các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho Tổng công ty, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc các doanh nghiệp khác.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Chủ trì xây dựng và chịu trách nhiệm thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển Tổng công ty.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng thành viên.

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên.

d) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên.

đ) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu và Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

e) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tổng công ty, việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, kết quả quản lý điều hành của Tổng giám đốc; có quyền đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc khi phát hiện các quyết định này trái với các quy định của pháp luật, các quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Điều lệ này, đồng thời phải báo cáo ngay với Chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về các quyết định này.

g) Tổ chức công bố, công khai thông tin về Tổng công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố.

h) Thay mặt Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định, thông báo, đề nghị, yêu cầu, khuyến nghị hoặc các văn bản khác của Hội đồng thành viên; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

i) Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự, thỏa thuận nhân danh Tổng công ty và các giao dịch khác của Tổng công ty đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

k) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu đầu tư hoặc giao cho Tổng công ty; quản lý Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

l) Chủ trì tổ chức nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn, dài hạn, các dự án đầu tư quan trọng của Tổng công ty; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Tổng công ty để trình Hội đồng thành viên.

m) Tổ chức xây dựng, giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

n) Quyết định cử thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị phụ thuộc và các cá nhân nắm giữ chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng thành viên đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát nước ngoài, giải quyết công việc riêng theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh; tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Tổng công ty.

o) Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát nước ngoài, phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo phân cấp, ủy quyền của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

2. Được ủy quyền bằng văn bản cho một trong số thành viên Hội đồng thành viên thực hiện một phần hoặc toàn bộ chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên khi Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt. Thành viên Hội đồng thành viên được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với những công việc đã được ủy quyền.

3. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình vì một lý do bất khả kháng thì các thành viên kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty chỉ định một người trong số các thành viên còn lại tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Chủ sở hữu.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và Chủ sở hữu.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ, tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm Chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính, văn phòng đại diện và chi nhánh của Tổng công ty.

5. Chấp hành các nghị quyết của Hội đồng thành viên.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi lợi dụng danh nghĩa Tổng công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Tổng công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi có nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

7. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng thành viên có hành vi vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Hội đồng thành viên có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản với Chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 22. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chủ sở hữu Tổng công ty hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên, hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất 03 ngày làm việc. Riêng tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty, thông qua phương hướng phát triển Tổng công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời hoặc các công cụ điện tử, truyền thông khác (nếu có) và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và đại biểu khác (nếu có). Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

4. Cuộc họp lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên họp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực khi có hơn một nửa số

thành viên tham dự biểu quyết đồng ý; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và được quyền kiến nghị lên Chủ sở hữu Tổng công ty.

5. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên chấp thuận.

Nghị quyết, quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

6. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình nghị sự. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu (nếu có) của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

7. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Tổng công ty. Nội dung biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận.

b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành (đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng) hoặc số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành) và không có ý kiến (đối với trường hợp có áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng).

c) Các quyết định được thông qua; họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

8. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý, điều hành trong Tổng công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

9. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành và bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao khác, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty.

11. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế Quản lý tài chính của Tổng công ty.

12. Quyết định của Hội đồng thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua, trừ các trường hợp phải được Chủ sở hữu Tổng công ty chấp thuận.

Mục 2

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 23. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên Tổng công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo phương án nhân sự đã được Chủ sở hữu chấp thuận. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Tổng công ty, trước Chủ sở hữu và pháp luật về thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao trong điều hành hoạt động của Tổng công ty.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thường trú tại Việt Nam.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, điều hành Tổng công ty; có ít nhất ba năm kinh nghiệm quản lý, điều hành trong doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty.

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty.

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Kiểm soát viên Tổng công ty.

g) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

h) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tại doanh nghiệp nhà nước.

i) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 24. Miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

b) Có đơn xin nghỉ việc.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc có thể bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Tổng công ty không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật.

b) Tổng công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm.

c) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của Tổng công ty.

d) Tổng công ty vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật.

đ) Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.

e) Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

g) Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Tổng công ty.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc xây dựng trình Hội đồng thành viên:

a) Chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.

b) Dự thảo Điều lệ, dự thảo bổ sung Điều lệ; phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty.

c) Phương án cơ cấu tổ chức, liên doanh, liên kết của Tổng công ty.

d) Phương án phối hợp sản xuất, kinh doanh của các công ty thành viên; phương án thành lập mới, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản các công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty ở trong nước và nước ngoài.

đ) Dự thảo Điều lệ của các công ty con do Tổng công ty nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ; phương án đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của các công ty con này.

e) Phương án huy động vốn; các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản; bán tài sản và hợp đồng kinh tế khác

vượt thẩm quyền.

g) Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty; báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp.

h) Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Tổng công ty.

i) Phương án tổ chức kinh doanh, dự thảo Quy chế Quản lý tài chính và các hệ thống quy chế, báo cáo quản lý trong Tổ hợp, chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc của Tổng công ty; quy hoạch cán bộ.

k) Phương án thực hiện thoái vốn đầu tư và thực hiện các nội dung của Đề án tái cơ cấu Tổng công ty đã được phê duyệt.

l) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc quyết định:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư; các giải pháp tiếp thị, phát triển thị trường, và các công tác khác liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền.

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của Chủ sở hữu.

c) Các công việc hàng ngày của Tổng công ty.

d) Ban hành hệ thống báo cáo hợp nhất: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, kế hoạch, tài chính, thị trường sản phẩm, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng... áp dụng thống nhất trong Tổ hợp.

đ) Quyết định các quy chế quy định nội bộ trong cơ quan văn phòng Công ty mẹ Tổng công ty và ban hành Quy chế Quản lý nội bộ của Tổng công ty đã được Hội đồng thành viên chấp thuận.

e) Bổ nhiệm, thuê, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Trưởng, phó phòng ban tham mưu của Tổng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và các chức danh khác trong Tổng công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

g) Xây dựng định mức lao động, kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương, đánh giá tình hình sử dụng lao động, tiền lương; xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động và tổ chức tuyển dụng lao động trong Tổng công ty, xây dựng Quy chế trả lương; báo cáo Hội đồng thành viên tình hình thực hiện theo quy định của pháp luật.

h) Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự, thỏa thuận nhân danh Tổng công ty và các giao dịch khác của Tổng công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

i) Tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động.

k) Phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc.

l) Cử cán bộ, công nhân, người lao động của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; ủy quyền cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc của các công ty con 100% vốn của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc cử cán bộ, công nhân, người lao động của đơn vị mình ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng và tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với đơn vị mình.

m) Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết; mua, bán tài sản của Tổng công ty; các hợp đồng vay, thuê, cho thuê theo quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật.

n) Kiểm tra các công ty con, đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá theo quy định.

o) Lập và trình Hội đồng thành viên Tổng công ty báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh, và báo cáo tài chính hàng năm.

3. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các công ty thành viên theo sự phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

5. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp, nhưng phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Tổng công ty và gây thiệt hại cho người khác, thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

7. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 26. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu Tổng công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý và 30 ngày kể từ khi kết thúc năm, Tổng Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới bao gồm cả so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch của Tổng công ty cho Hội đồng thành viên; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Tổng Giám đốc phải mời Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Hội đồng thành viên hoặc trình Chủ sở hữu Tổng công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các thông tin, văn bản có nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty cho Chủ tịch Hội đồng thành viên xem xét, xử lý. Chủ tịch Hội đồng thành viên sau khi quyết định phương hướng xử lý phải có văn bản gửi Tổng Giám đốc để thực hiện.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc được mời tham gia cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 27. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với những người sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên của Tổng công ty.

b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này.

2. Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải xem xét

quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có 01 phiếu biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho Tổng công ty.

Điều 28. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Tổng công ty có các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc và có ý kiến thỏa thuận của Chủ sở hữu với thời hạn không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

2. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Số lượng Phó Tổng Giám đốc không quá 05 người. Hội đồng thành viên quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 05 Phó Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên đề nghị Chủ sở hữu Tổng công ty xem xét, chấp thuận.

3. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền

4. Kế toán trưởng Tổng công ty có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán tài chính, thống kê của Tổng công ty, giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền; tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Tổng công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc đề nghị và được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Điều 29. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Tổng công ty hoặc thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định và thuộc sở hữu của Tổng công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Tổng Giám đốc đề nghị và Hội đồng thành viên phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng thành viên quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Đơn vị sự nghiệp (hoặc hoạt động sự nghiệp của đơn vị phụ thuộc) của Tổng công ty theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt, được Tổng công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Tổng công ty, được thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định, được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Tổng công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

4. Hội đồng thành viên có thể thành lập Ban Kiểm soát nội bộ để giúp Hội đồng thành viên kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Tổng công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Hội đồng thành viên ban hành.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Tổng công ty gồm 03 Kiểm soát viên do Chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 03 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của Tổng công ty.

b) Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

c) Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm soát nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của Tổng công ty.

d) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

đ) Giám sát các giao dịch của Tổng công ty với các bên có liên quan.

e) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn, giao dịch mua, bán và giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn hoặc giao dịch kinh doanh bất thường của Tổng công ty.

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này cho Chủ sở hữu và Hội đồng thành viên.

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do Chủ sở hữu quyết định và chi trả.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc. Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh được đào tạo.

2. Không phải là người lao động của Tổng công ty.

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

b) Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty.

c) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty.

d) Kiểm soát viên khác của Tổng công ty.

4. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

5. Không được đồng thời là Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước.

6. Các trường hợp khác do Chủ sở hữu quyết định.

Điều 32. Quyền của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện Chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; có quyền chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Tổng công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

3. Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Tổng công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ công ty.

4. Yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty.

5. Yêu cầu những người quản lý Tổng công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ Tổng công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện Chủ sở hữu Tổng công ty và cá nhân có liên quan.

7. Đề nghị cơ quan đại diện Chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

8. Thực hiện các quyền khác quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 33. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

1. Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách tại Tổng công ty; các thành viên khác có thể tham gia Ban Kiểm soát của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ sở hữu.

2. Trưởng Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng, quý và năm của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng thành viên.

3. Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

4. Ban Kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện Chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban Kiểm soát.

5. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Chủ sở hữu.

Điều 34. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của cơ quan đại diện Chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

6. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đều phải trả lại Tổng công ty.

7. Trường hợp phát hiện Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng thành viên Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đại diện Chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 35. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện Chủ sở hữu chấp thuận.

c) Được cơ quan đại diện Chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác.

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Mục 4

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 36. Hình thức tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Tổng công ty được tổ chức theo hướng dẫn của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn Tổng công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.
5. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Nội dung tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.
- b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết.
- c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.
- d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Tổng công ty.
- đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Tổng công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Tổng công ty có quyền tham gia giám sát:

- a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.
- b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Tổng công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.
- c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.
- d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Tổng công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Hội đồng thành viên đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Tổng công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Tổng công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Tổng công ty cũng như mối quan hệ giữa Tổng công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 38. Điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Tổng công ty có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Vốn do Chủ sở hữu bổ sung cho Tổng công ty từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn khác.

b) Quỹ Đầu tư phát triển.

c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty do Chủ sở hữu quyết định theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Trình tự, thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tăng vốn điều lệ, Tổng công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ, làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này và trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Đối với vốn Chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho Tổng công ty thì Chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết.

5. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Điều 39. Quản lý tài chính Tổng công ty

Quản lý tài chính của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế Quản lý tài chính Tổng công ty do Chủ sở hữu ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty; quyền, trách nhiệm của Tổng công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

4. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

5. Những nội dung khác có liên quan.

Điều 40. Xác định lỗ và chuyển lỗ

1. Cách xác định lỗ được kết chuyển:

- Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm (-) về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang.

- Tổng công ty sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập (thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

- Tổng công ty tạm thời chuyển lỗ vào thu nhập của các quý của năm sau khi lập tờ khai tạm nộp quý và chuyển chính thức vào năm sau khi lập tờ khai quyết toán thuế năm.

2. Các khoản lỗ được kết chuyển:

Tổng công ty có số lỗ giữa các quý trong cùng một năm tài chính thì được bù trừ số lỗ của quý trước vào các quý tiếp theo của năm tài chính đó. Khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng công ty xác định số lỗ của cả năm và chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp sau năm phát sinh lỗ theo quy định tại Điều 1 Điều này.

Tổng công ty tự xác định số lỗ được trừ vào thu nhập theo nguyên tắc nêu trên. Trường hợp trong thời gian chuyển lỗ có phát sinh tiếp số lỗ thì số lỗ phát sinh này (không bao gồm số lỗ của kỳ trước chuyển sang) sẽ được chuyển lỗ toàn bộ và liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ theo quy định.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp xác định số lỗ của Tổng công ty được chuyển khác với số lỗ do Tổng công ty tự xác định thì số lỗ được chuyển xác định theo kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra nhưng đảm bảo chuyển lỗ toàn bộ và liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ theo quy định.

Quá thời hạn 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, nếu số lỗ phát sinh chưa chuyển hết thì sẽ không được chuyển vào thu nhập của các năm tiếp sau.

3. Nguyên tắc chuyển lỗ:

Nếu năm tài chính tiếp theo có lãi thì được chuyển lỗ từ năm trước, nếu lỗ thì không được chuyển lỗ từ kỳ trước sang (không được chuyển số lỗ lớn hơn số lãi, chỉ có thể là nhỏ hơn hoặc bằng với số lãi).

Số lỗ được chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập (thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo.

Số lỗ được chuyển giữa các quý với nhau và giữa các năm với nhau. (không được chuyển từ quý sang năm, mà chỉ có thể từ năm trước sang Quý 1 năm sau).

4. Trường hợp Tổng công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản của Chủ sở hữu (trừ trường hợp không phải quyết toán thuế theo quy định). Số lỗ của Tổng công ty phát sinh trước khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất phải được theo dõi chi tiết theo năm phát sinh và bù trừ vào thu nhập cùng năm của Tổng công ty sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc được tiếp tục chuyển vào thu nhập của các năm tiếp theo của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất để đảm bảo nguyên tắc chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Số lỗ của Tổng công ty phát sinh trước khi chia, tách thành doanh nghiệp khác và đang còn trong thời gian chuyển lỗ theo quy định thì số lỗ này sẽ được phân bổ cho các doanh nghiệp sau khi chia, tách theo tỷ lệ vốn Chủ sở hữu được chia, tách.

5. Trong trường hợp, quy định của pháp luật về xác định lỗ và chuyển lỗ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm Chủ sở hữu thay đổi, Tổng công ty thực hiện xác định lỗ và chuyển lỗ của năm tài chính theo các quy định có hiệu lực thi hành đối với năm tài chính đó.

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013, trích Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

b) Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển của Tổng công ty.

c) Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong Tổng công ty (căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp do Chủ sở hữu quyết định đối với Tổng công ty):

- Tổng công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai Quỹ Khen thưởng, phúc lợi.

- Tổng công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai Quỹ Khen thưởng, phúc lợi.

- Tổng công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai Quỹ Khen thưởng, phúc lợi.

- Tổng công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai Quỹ Khen thưởng, phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Tổng công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

- Tổng công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

- Tổng công ty xếp loại C hoặc Tổng công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

đ) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ Đầu tư phát triển quy định tại Điểm b Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ Đầu tư phát triển trong năm tài chính.

e) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

4. Trong trường hợp, quy định của pháp luật về phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm Chủ sở hữu thay đổi, Tổng công ty thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính theo các quy định có hiệu lực thi hành đối với năm tài chính đó.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT

Điều 42. Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Tổ hợp Tổng công ty là tổ hợp công ty mẹ - công ty con, là tập hợp các công ty có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác theo hình thức công ty mẹ - công ty con của Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi chung là doanh nghiệp thành viên) bao gồm:

1. Tổng công ty là công ty mẹ của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.
2. Các công ty con.
3. Các doanh nghiệp do công ty con trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.
4. Các công ty liên kết và công ty tự nguyện tham gia liên kết (nếu có).

Mục 1
ĐỊNH HƯỚNG, PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG
TRONG TỔ HỢP TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Nguyên tắc phối hợp chung trong Tổ hợp Tổng công ty

Tổng công ty (Công ty mẹ) và các doanh nghiệp thành viên thực hiện quan hệ phối hợp chung theo các cách sau đây:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận giữa công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên.

2. Công ty mẹ căn cứ quyền hạn, trách nhiệm do pháp luật quy định làm đầu mối thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung phối hợp hoạt động chung dưới đây:

a) Phối hợp trong công tác kế hoạch và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh.

b) Định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên.

c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê.

d) Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của Tổ hợp phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản (nếu có).

e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

g) Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

h) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ.

i) Đặt tên các doanh nghiệp thành viên; sử dụng tên, thương hiệu của Tổ hợp Tổng công ty.

k) Thực hiện công tác hành chính, công tác đối ngoại của Tổ hợp Tổng công ty.

l) Quản lý công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội.

m) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 44. Định hướng, phối hợp thông qua Tổng công ty (Công ty mẹ)

1. Tổng công ty đại diện cho Tổ hợp Tổng công ty thực hiện các hoạt động chung trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tổ hợp theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty sử dụng quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu vốn tại các doanh nghiệp thành viên để phối hợp, định hướng hoạt động của Tổ hợp Tổng công ty:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại Tổng công ty hoặc thành lập bộ phận riêng để nghiên cứu, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều này để trình Hội đồng

thành viên Tổng công ty thông qua; thông qua người đại diện thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng.

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên kết cùng các doanh nghiệp thành viên để phối hợp, định hướng hoạt động của Tổ hợp Tổng công ty.

c) Xây dựng các quy chế chung trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

3. Nội dung phối hợp, định hướng của Tổng công ty bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổ hợp Tổng công ty; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo chiến lược phát triển; kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tổ hợp Tổng công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong Tổ hợp Tổng công ty.

b) Phân loại doanh nghiệp thành viên theo vị trí và tầm quan trọng trong chiến lược phát triển chung của Tổ hợp Tổng công ty; xác định danh mục ngành, nghề kinh doanh chính, danh mục doanh nghiệp thành viên chủ chốt; định hướng doanh nghiệp thành viên theo ngành, nghề kinh doanh chính; quản lý và định hướng Người đại diện đảm bảo quyền chi phối của Tổng công ty tại các doanh nghiệp chủ chốt.

c) Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, dài hạn của các doanh nghiệp thành viên.

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của các doanh nghiệp thành viên theo chính sách chung của Tổ hợp Tổng công ty.

đ) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu chung; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các doanh nghiệp thành viên.

e) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con.

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con.

h) Cử người đại diện tham gia quản lý, điều hành ở công ty con. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của Người đại diện; quy định những vấn đề phải được công ty mẹ thông qua trước khi người đại diện quyết định hoặc tham gia quyết định tại các doanh nghiệp thành viên.

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của các doanh nghiệp thành viên để thực hiện đầu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các doanh nghiệp thành viên cùng thỏa thuận và thực hiện.

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho các doanh nghiệp thành viên.

l) Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; hỗ trợ hoạt động tài chính cho các doanh

nghiệp thành viên khi được các doanh nghiệp này đề nghị.

m) Phối hợp thực hiện các công việc hành chính, các giao dịch với các đối tác cho các doanh nghiệp thành viên khi được các doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước giao cho Tổng công ty và Tổ hợp Tổng công ty.

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ các doanh nghiệp thành viên.

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp Tổng công ty.

p) Tham vấn các doanh nghiệp thành viên trong thực hiện các hoạt động chung.

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong Tổng công ty.

r) Quy định khung hệ thống quản trị thống nhất của Tổ hợp phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và Điều lệ của các công ty con.

s) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của Tổ hợp Tổng công ty, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Điều lệ các doanh nghiệp thành viên.

4. Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

5. Việc phối hợp, định hướng trong Tổ hợp Tổng công ty phải phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên; quyền của Chủ sở hữu tại công ty mẹ; thỏa thuận giữa Tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên; vị trí của Tổng công ty đối với từng hoạt động phối hợp với các doanh nghiệp thành viên.

6. Khi Tổng công ty lạm dụng vị thế của mình, can thiệp ngoài thẩm quyền của Chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các liên kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, làm tổn hại đến lợi ích của các doanh nghiệp thành viên, các bên có liên quan, thì Tổng công ty và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Công ty con không được mua cổ phần, vốn góp của Tổng công ty, bao gồm cả cổ phần, vốn góp của Tổng công ty khi thực hiện thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

8. Việc đầu tư vốn ra ngoài của Tổng công ty và công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

9. Tổng công ty, các doanh nghiệp thành viên đăng ký các ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu Tổng công ty về việc đầu tư, tỷ lệ vốn đầu tư và

hiệu quả đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính.

Điều 45. Định hướng, phối hợp thông qua các hình thức liên kết, trao đổi thông tin

Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên có thể sử dụng các hình thức sau đây để bảo đảm liên kết trong quản lý, điều hành nội bộ Tổ hợp Tổng công ty:

1. Đầu tư, mua, bán sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ về công nghệ; phát triển thương hiệu giữa các doanh nghiệp thành viên với nhau.

2. Thỏa thuận về cơ chế tín dụng nội bộ Tổ hợp Tổng công ty, cơ chế bảo lãnh tín dụng, hình thành quỹ tập trung không trái với quy định pháp luật.

3. Tổ chức hội nghị hoặc các cuộc họp tham vấn:

a) Giữa người quản lý, điều hành tại Tổng công ty và Người đại diện tại các doanh nghiệp thành viên để định hướng, điều hòa, phối hợp các hoạt động của Tổ hợp Tổng công ty và triển khai các nội dung của chiến lược, định hướng phát triển quan trọng của Tổ hợp Tổng công ty.

b) Giữa các bộ phận chức năng của Tổng công ty và của các doanh nghiệp thành viên để triển khai các vấn đề chuyên môn.

4. Điều chuyển người đại diện theo ủy quyền là cán bộ lãnh đạo giữa các công ty con.

Điều 46. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổng công ty (công ty mẹ) trong định hướng, phối hợp Tổ hợp Tổng công ty

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty (công ty mẹ) với các doanh nghiệp thành viên phù hợp với quy định pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty về bảo đảm mục tiêu kinh doanh ngành, nghề chính và các mục tiêu khác do Nhà nước giao.

3. Quản lý danh mục đầu tư tại Tổng công ty nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của Tổng công ty tại các công ty con; theo dõi, giám sát ngành nghề kinh doanh của các công ty con.

4. Cung cấp thông tin và báo cáo các nội dung quy định tại Điều lệ này.

5. Thiết lập tổ chức cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp thành viên.

6. Xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá tiêu chuẩn hoạt động áp dụng đối với Người đại diện theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự quản lý tại Tổng công ty và đối với Người đại diện theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn công ty con để hình thành các quỹ tập trung và hệ thống điều hành, hạch toán thống nhất.

9. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Tổng công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

Mục 2

QUAN HỆ VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

Điều 47. Quan hệ với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty nhân danh Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ máy giúp việc giúp Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, theo đó có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty con báo cáo để trình Hội đồng thành viên xem xét, thông qua hoặc quyết định.

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty con.

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại công ty con.

2. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Được Tổng công ty giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế, cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của Tổ hợp Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ này, theo thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên và quy định pháp luật có liên quan;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của Tổ hợp Tổng công ty; các cam kết hợp đồng kinh tế với Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp thuộc thẩm quyền Chủ sở hữu của Tổng công ty đối với mình; có trách nhiệm tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên.

c) Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Tổ hợp.

d) Có nghĩa vụ thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo hoặc các văn bản khác của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều 75 và Điều 76 Luật Doanh nghiệp và quy định có liên quan của Điều lệ này.

4. Tổng công ty sử dụng quyền phê duyệt điều lệ để ghi các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này vào Điều lệ của công ty đó.

Điều 48. Quan hệ với các công ty con do Tổng công ty nắm quyền chi phối

1. Các công ty con do Tổng công ty nắm quyền chi phối được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty con theo quy định của pháp luật có liên quan và các quy định dưới đây:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty đó.

b) Cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của Người đại diện tại công ty con.

c) Chỉ đạo người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; xây dựng hệ thống quản trị theo định hướng của Tổng công ty, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty.

d) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.

đ) Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty và của Tổ hợp Tổng công ty.

e) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở công ty con.

g) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty con.

h) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty con.

3. Hội đồng thành viên nhân danh Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với phần vốn Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này. Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ máy giúp việc giúp Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, theo đó có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty con báo cáo công ty mẹ để trình Hội đồng thành viên xem xét, thông qua hoặc quyết định.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty con.

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh tại công ty con.

4. Các công ty con do Tổng công ty nắm quyền chi phối:

a) Được tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên Tổ hợp Tổng công ty.

b) Được Tổng công ty giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế.

c) Được Tổng công ty cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của Tổ hợp Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ này, theo thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên và quy định pháp luật có liên quan.

d) Có nghĩa vụ thực hiện các quy định hoặc thỏa thuận chung của Tổ hợp Tổng công ty; thực hiện các cam kết trong hợp đồng kinh tế với Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên; xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo định hướng của Tổng công ty và triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của Tổng công ty với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với công ty con.

đ) Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Tổ hợp.

Điều 49. Quan hệ với công ty liên kết

1. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty liên kết, thỏa thuận liên kết và theo quy định có liên quan của Điều lệ này.

2. Tổng công ty quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Điều 50. Quan hệ với công ty tự nguyện tham gia liên kết

1. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có thể tự nguyện tham gia liên kết Tổ hợp Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

2. Công ty tự nguyện tham gia liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên theo thỏa thuận liên kết.

3. Tổng công ty quan hệ với công ty tự nguyện tham gia liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

4. Tổng công ty quyết định việc cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty tự nguyện tham gia liên kết.

Mục 4

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 51. Tiêu chuẩn người đại diện phần vốn của Tổng công ty

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với yêu cầu của vị trí, chức danh được cử làm người đại diện.

5. Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật.

6. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị,

Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.

7. Tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 52. Cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty

1. Căn cứ tiêu chuẩn người đại diện, Hội đồng thành viên Tổng công ty lựa chọn, cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại đơn vị thành viên. Việc cử người đại diện phải thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện.

2. Thời hạn cử người đại diện phần vốn của Tổng công ty được xác định không quá nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên.

3. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty chuyên trách tham gia làm người đại diện tại một doanh nghiệp.

4. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty không chuyên trách có thể tham gia làm người đại diện phần vốn tại một hoặc một số doanh nghiệp.

Điều 53. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn của Tổng công ty

1. Báo cáo xin ý kiến Hội đồng thành viên Tổng công ty trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

b) Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng hoặc giảm vốn điều lệ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc.

c) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

d) Tổ chức lại, giải thể, phá sản.

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

2. Báo cáo kịp thời về việc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

3. Định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp.

4. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn của doanh nghiệp.

6. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn Tổng công ty

1. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty chuyên trách tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả.

2. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty không chuyên trách tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác như sau:

a) Thù lao do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả.

b) Tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do Tổng công ty chi trả.

Chương VII

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Tổ chức lại Tổng công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Tổng công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Tổng công ty thực hiện tổ chức lại theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Khi được tổ chức lại, Tổng công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Chuyển đổi sở hữu Tổng công ty

Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định việc chuyển đổi Tổng công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 57. Tạm ngừng kinh doanh

1. Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu Tổng công ty phải được lập thành văn bản.

2. Tổng công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại Tổng công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản.

d) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

đ) Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Tổng công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Tổng công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 59. Phá sản Tổng công ty

Việc phá sản Tổng công ty được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 60. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên và các cơ quan có thẩm quyền những báo cáo sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Tổng công ty.

b) Báo cáo tài chính.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Định kỳ, Hội đồng thành viên có trách nhiệm gửi cho Chủ sở hữu Tổng công ty và các cơ quan liên quan những báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

3. Trong trường hợp đột xuất, Chủ sở hữu Tổng công ty có quyền gửi văn bản yêu cầu Hội đồng thành viên cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào có liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu quy định tại Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng thành viên cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Chủ sở hữu; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên.

5. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

6. Người lao động trong Tổng công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Công khai thông tin

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên của Tổng công ty là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền, phân công.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 62. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty

- Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

- Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

Điều 63. Quản lý con dấu của Tổng công ty

1. Hội đồng thành viên quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Tổng công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Tổng công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Phạm vi thi hành

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Chủ sở hữu, Tổng công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Các Quy chế nội bộ của Tổng công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Chủ sở hữu Tổng công ty ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
*** Nguyễn Quốc Hùng**

Phụ lục

**CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của
UBND tỉnh)*

I. CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

1. Nhà máy Chế biến thực phẩm Đồng Nai

Địa chỉ: xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên

Địa chỉ: khu phố 5, P. Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Công ty Xuất nhập khẩu Biên Hòa

Địa chỉ: số 2, đường Cách mạng tháng tám, P. Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Văn phòng đại diện tại DUBAI

Địa chỉ: 402, MOBH Building, Trạm Metro GGICO, Al Garhoud, Dubai, UAE.

II. CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Bửu Long và các công ty con:

a) Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Nai.

b) Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai.

2. Công ty TNHH một thành viên Cao su công nghiệp.

3. Công ty TNHH một thành viên Thọ Vực.

4. Công ty Cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

5. Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.

6. Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai.

7. Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn.

8. Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai.

9. Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

10. Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai.

11. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai.

12. Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Tam Phước.

13. Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai.

III. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1. Công ty TNHH hai thành viên Nông nghiệp Đồng Nai - VinEco .
2. Công ty Cổ phần Đồng Việt Thành.
3. Công ty Cổ phần Bông đá Đồng Nai.
4. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ quốc tế Bourbon Đồng Nai.
5. Công ty TNHH Bochang Donateurs.
6. Công ty Cổ phần Bệnh viện quốc tế Đồng Nai.
7. Công ty Cổ phần LOTHAMILK.
8. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bình Đa.
9. Công ty Cổ phần Chăn nuôi bò và chế biến sữa Đồng Nai.
10. Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai.
11. Công ty TNHH In bao bì TOYO (VIET) - DOFICO.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

Số: 291 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TỔNG C.TY CNTP ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số: 23
	Ngày: 26.01.2018
Chuyến:	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (công ty TNHH MTV theo mô hình công ty mẹ - công ty con);

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Văn bản số 17/TCTCNTP-HĐTV ngày 10/01/2018 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 195/SKHĐT-ĐKKD ngày 15/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai như sau:

a) Giảm chi tiết ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn thuốc lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu (mã ngành: 4620).

b) Bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn nguyên liệu thuốc lá (mã ngành: 4620); Chế biến nguyên liệu thuốc lá (mã ngành: 1200).

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2, Điều 4, Chương I của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đối với mã ngành 4620 và 1200 như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu thuốc; Nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá; Bán buôn con giống bò sữa, bò thịt và các loại gia súc, gia cầm khác. Bán buôn cây giống, cây xanh công trình, cây kiểng, hoa, cỏ các loại. Bán buôn nông sản (đối với hạt điều và bông vải phải thực hiện theo quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ). Bán buôn gia súc, gia cầm.	4620
2	Sản xuất sản phẩm thuốc lá Chi tiết: Chế biến nguyên liệu thuốc lá. Sản xuất thuốc lá điều các loại.	1200

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chịu trách nhiệm Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Tài chính, Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. Ngày: 05-09-2018

mphuong.kt

PH

Số CT: 003263 SCTICK, DC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Quốc Hùng



PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
Đoàn Văn Đoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 2103 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai**

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (công ty TNHH MTV theo mô hình công ty mẹ - công ty con);

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Văn bản số 137/TCTCNTP-HĐTV ngày 10/4/2018 và Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3216/STC-TCĐN ngày 05/6/2018, **SCTICK, DC**

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được tăng vốn điều lệ từ việc kết chuyển Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long với số tiền là: 2.576.409.450 đồng để bổ sung vốn điều lệ còn thiếu so với Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh. Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 3.035.078.019.542 đồng.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 1, Điều 5, Chương I của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai như sau:

“1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty (công ty mẹ) là 3.500.000.000 đồng (bằng chữ: Ba ngàn năm trăm tỷ đồng).

Mức vốn điều lệ của Tổng Công ty được áp dụng tối thiểu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành Điều lệ này. Hàng năm vốn điều lệ thực tế của Tổng Công ty được xác định tương ứng với các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp và Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Số dư vốn điều lệ thực tế theo tiến độ Quỹ đầu tư phát triển bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Tổng Công ty như sau:

- Năm 2016: 3.035.078.019.542 đồng.
- Năm 2017: 3.300.000.000.000 đồng.
- Năm 2018: 3.380.000.000.000 đồng.
- Năm 2019: 3.500.000.000.000 đồng.”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chịu trách nhiệm thông báo thay đổi vốn điều lệ và điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ, Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng